

Số: 1751 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 10 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chương trình vươn ra thị trường quốc tế
giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1406/QĐ-BCT ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Bộ Công Thương ban hành Chương trình hành động của Bộ Công Thương triển khai Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về "Chương trình vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026-2030";

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 4364/TTr-SCT ngày 23 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, CVNCTH;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH_(ĐT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Tuấn Hùng

CHƯƠNG TRÌNH
Vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026 - 2030
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1751/QĐ-UBND ngày 10/9/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đổi mới tư duy tiếp cận thị trường quốc tế một cách chủ động, toàn diện trên các ngành, lĩnh vực; tập trung vào các sản phẩm chủ lực, có tiềm năng và thế mạnh xuất khẩu nhằm mở rộng không gian tăng trưởng, nâng cao vị thế và thương hiệu sản phẩm của tỉnh gắn với Thương hiệu quốc gia Việt Nam.

- Cung cấp thông tin, tăng cường kết nối và nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới sáng tạo cho các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn; tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp chủ động tham gia sâu vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tổ chức hoặc hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia tối thiểu **05** hoạt động xúc tiến thương mại quốc tế dưới các hình thức: hội thảo, hội nghị kết nối giao thương, hội chợ, triển lãm quốc tế trong và ngoài nước, khảo sát thị trường nước ngoài; ưu tiên các thị trường có tiềm năng đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và các sản phẩm có lợi thế của tỉnh.

- Hỗ trợ tối thiểu **200** lượt doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, tư vấn về: hội nhập kinh tế quốc tế, các hiệp định thương mại tự do (FTA), phát triển thị trường xuất khẩu, thương mại điện tử xuyên biên giới, xây dựng và bảo hộ thương hiệu, tiêu chuẩn chất lượng và truy xuất nguồn gốc; hỗ trợ tối thiểu **10** doanh nghiệp xây dựng hoặc hoàn thiện phương án phát triển thị trường quốc tế.

- Hỗ trợ tối thiểu **20** doanh nghiệp được tư vấn, kết nối với các tổ chức xúc tiến thương mại, cơ quan đại diện và Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài, cộng đồng doanh nhân kiều bào cùng các hệ thống phân phối quốc tế.

- Hỗ trợ tối thiểu **05** doanh nghiệp có tiềm năng xuất khẩu ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại và phát triển thị trường quốc tế; ưu tiên thương mại điện tử xuyên biên giới, số hóa sản phẩm, tiếp thị số, truy xuất nguồn gốc và kết nối với các sàn thương mại điện tử quốc tế.

- Lựa chọn và hỗ trợ tối thiểu **01** doanh nghiệp có tiềm năng nghiên cứu, xây dựng phương án đầu tư ra nước ngoài thông qua hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) quốc tế hoặc đầu tư kho bãi, phát triển trung tâm, kênh phân phối sản phẩm; ưu tiên thị trường tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) và các thị trường phù hợp

Các hoạt động hỗ trợ tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu qua thương mại điện tử xuyên biên giới; từng bước hình thành lực lượng doanh nghiệp nòng cốt của tỉnh đủ sức tham gia sâu vào chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ NHÓM SẢN PHẨM ƯU TIÊN

1. Phạm vi

Chương trình được triển khai thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh Cao Bằng trong giai đoạn 2026 - 2030.

2. Đối tượng

Đối tượng thụ hưởng Chương trình gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh có nhu cầu, năng lực và tiềm năng phát triển thị trường quốc tế. (sau đây gọi chung là doanh nghiệp).

3. Nhóm sản phẩm ưu tiên

Sản phẩm nông sản (như: Chè, miến dong, thạch đen, dược liệu, sản phẩm OCOP, sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ...) sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, lâm nghiệp, hàng thủ công, quà tặng; khoáng sản đã qua chế biến sâu, sản phẩm có khả năng tham gia thương mại điện tử xuyên biên giới, dịch vụ logistics.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tạo lập khung thể chế đồng bộ, minh bạch và thuận lợi nhằm khuyến khích, hỗ trợ và giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh tại thị trường nước ngoài

- Thường xuyên rà soát, nắm bắt các khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách và pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh tại thị trường nước ngoài; kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tháo gỡ nhằm tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả, công khai và minh bạch các thủ tục hành chính liên quan đến xuất nhập khẩu và đầu tư kinh doanh quốc tế; chủ động cung cấp thông tin, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục và kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

- Hướng dẫn, cung cấp thông tin và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các chương trình, chính sách ưu đãi về vốn, tín dụng xuất khẩu, bảo lãnh tín dụng, bảo hiểm xuất khẩu và các nguồn lực hỗ trợ đầu tư ra nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật và thẩm quyền của địa phương.

2. Xây dựng nền tảng thông tin, nhận thức và năng lực vươn ra thị trường quốc tế, hình thành tư duy chủ động, dài hạn và chuyên nghiệp trong hoạt động đầu tư, kinh doanh quốc tế

- Đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế, xuất khẩu chính ngạch, thương mại điện tử xuyên biên giới và các chiến dịch quảng bá nền tảng GoGlobal Platform. Phối hợp xây dựng, chuẩn hóa và duy trì cơ sở

dữ liệu doanh nghiệp, sản phẩm xuất khẩu của tỉnh để tích hợp, chia sẻ với GoGlobal Platform trước Quý II/2027 nhằm tạo kênh thông tin ổn định cho doanh nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn và tư vấn chuyên sâu về: chiến lược vươn ra thị trường quốc tế, pháp luật và tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế, quản trị rủi ro, văn hóa kinh doanh, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại nước ngoài và ứng dụng các phương thức thanh toán số xuyên biên giới (Fintech).

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn thông tin thị trường, tiềm năng ngành hàng, phân tích thị hiếu người tiêu dùng quốc tế; kết nối tham gia các diễn đàn kết nối giao thương (B2B), chương trình vinh danh doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu, sáng tạo vượt khó vươn ra thị trường quốc tế.

- Phát huy vai trò của hệ thống cơ quan đại diện và Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài, các cơ chế hợp tác địa phương và mạng lưới đối ngoại nhân dân để cung cấp thông tin thị trường, kết nối đối tác và hỗ trợ quảng bá sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng đàm phán, kết nối kinh tế quốc tế và tổ chức sự kiện cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực thi chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Khuyến khích, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài, đặc biệt là đầu tư mua bán và sáp nhập (M&A) để tiếp cận nguồn lực thế giới, mở rộng không gian tăng trưởng kinh tế và tăng cường vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế

- Hỗ trợ các doanh nghiệp có đủ năng lực và nhu cầu tiếp cận dịch vụ tư vấn chuyên sâu về xây dựng chiến lược đầu tư quốc tế; lựa chọn các phương thức hợp tác kinh doanh phù hợp theo quy định của pháp luật như: hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), liên doanh, liên kết, mua bán và sáp nhập (M&A) tại thị trường nước ngoài.

- Hỗ trợ doanh nghiệp kết nối, đầu tư phát triển tại thị trường mục tiêu; kết nối với các cơ quan, tổ chức chuyên gia, đơn vị tư vấn chuyên ngành và cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế; hỗ trợ tiếp cận dịch vụ đăng ký bảo hộ bằng sáng chế, bản quyền phần mềm, nhãn hiệu tại các thị trường trọng điểm; cung cấp thông tin chuyên sâu về môi trường pháp lý, chính sách thuế quan và quản trị rủi ro đầu tư quốc tế.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư kinh doanh tại các thị trường trọng điểm; bố trí doanh nghiệp tham gia các đoàn công tác của tỉnh dự các diễn đàn, hội nghị, chương trình kết nối đối tác trong và ngoài nước; đẩy mạnh kết nối giao thương giữa doanh nghiệp của tỉnh với các đối tác Trung Quốc và các nước trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

- Hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu nông sản chủ lực, sản phẩm OCOP gắn với chuyển đổi số và thương mại điện tử xuyên biên giới (đặc biệt đối với thị

trường Trung Quốc); phát triển du lịch qua biên giới và các sản phẩm du lịch phục vụ du khách quốc tế; xây dựng thương hiệu sản phẩm văn hóa, thủ công truyền thống, quà tặng du lịch bản địa gắn với quảng bá Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng.

4. Thúc đẩy doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu nhằm nâng cao giá trị gia tăng trong xuất khẩu và tăng cường mức độ độc lập, tự chủ chiến lược của nền kinh tế và phát triển bền vững

- Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển vùng nguyên liệu trong và ngoài nước; kết nối doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học và các đối tác tiềm năng trong hệ sinh thái để nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới; tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn chuyên sâu về kỹ năng thiết kế mẫu mã, bao bì cao cấp phù hợp với thị hiếu thị trường quốc tế; nâng cao năng lực nghiên cứu thị trường và xây dựng thương hiệu sản phẩm vươn tầm quốc tế.

- Hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh xây dựng, phát triển mạng lưới các nhà cung cấp nội địa; thiết lập các kênh thông tin liên lạc và kênh phân phối sản phẩm ở nước ngoài; tổ chức các hội nghị giao thương, đàm phán trực tiếp với các đối tác nhập khẩu, hệ thống bán buôn và bán lẻ quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện các điều kiện để đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xuất khẩu của các thị trường mục tiêu.

- Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa đối với các sản phẩm chủ lực, có sức cạnh tranh cao và tiềm năng xuất khẩu đáp ứng các yêu cầu của thị trường quốc tế; đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm theo chuỗi giá trị; tăng cường công tác đăng ký xác lập quyền, bảo hộ và phát triển thương hiệu sản phẩm địa phương.

- Phát triển ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản theo hướng bền vững, áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường; các dự án chế biến sâu phải tuân thủ nghiêm ngặt và phù hợp với *Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050* đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

5. Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đẩy mạnh các hoạt động thương mại số xuyên biên giới nhằm thúc đẩy tăng trưởng dựa trên công nghệ, dữ liệu, đổi mới sáng tạo và bền vững

- Từng bước hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn và các nền tảng số tiên tiến trong xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác, quảng bá sản phẩm, phân tích thị trường, dự báo nhu cầu và kết nối giao thương quốc tế.

- Khuyến khích các nhà đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng và chuỗi dịch vụ logistics gắn với các cửa khẩu quốc tế (Trà Lĩnh – Long Bang, Tà Lùng – Thủy Khẩu) và các cửa khẩu chính, bao gồm: dịch vụ vận tải, kho bãi, giao nhận, phân phối, bốc xếp và thông quan hàng hóa. Từng bước hoàn thiện hạ tầng thương mại biên giới theo Quy hoạch tỉnh nhằm tối ưu hóa chi phí vận chuyển,

rút ngắn thời gian thông quan, minh bạch truy xuất nguồn gốc và nâng cao năng lực cạnh tranh xuất nhập khẩu của tỉnh.

- Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và các cơ quan liên quan triển khai hiệu quả mô hình "*Cửa khẩu số*", tiến tới "*Cửa khẩu thông minh*"; đẩy mạnh thực hiện các thủ tục hành chính, thu phí, lệ phí trên môi trường điện tử nhằm tự động hóa quy trình thông quan và hiện đại hóa công tác quản lý biên giới theo đúng mục tiêu tại Chương trình số 04-CTr/TU ngày 28/11/2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng về phát triển kinh tế cửa khẩu giai đoạn 2025 - 2030.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, triển khai chương trình dán nhãn uy tín trên môi trường số (*Trust Mark*) cho các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh biên mậu và xuất khẩu trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

- Lồng ghép chặt chẽ các hoạt động xúc tiến của tỉnh với Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam; chuẩn hóa hệ thống nhận diện thương hiệu sản phẩm địa phương theo chuẩn mực quốc gia nhằm xây dựng niềm tin với đối tác và người tiêu dùng quốc tế, tạo lợi thế cạnh tranh bền vững.

- Tổ chức đào tạo, tư vấn chuyên sâu cho doanh nghiệp về chuyển đổi mô hình kinh doanh số, ứng dụng thương mại điện tử và xuất khẩu trực tuyến trực tiếp đến người tiêu dùng (B2C); phát triển thương hiệu, chăm sóc khách hàng và thanh toán quốc tế an toàn trên nền tảng số.

- Hỗ trợ doanh nghiệp thiết lập, vận hành gian hàng trên các sàn thương mại điện tử xuyên biên giới uy tín; hỗ trợ đàm phán, ký kết thỏa thuận hợp tác thương mại số; hướng dẫn giải pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, xử lý tranh chấp trực tuyến và kết nối các giải pháp logistics chuyên biệt cho thương mại điện tử xuyên biên giới.

(Chi tiết các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, nhiệm vụ khác về hỗ trợ doanh nghiệp có sử dụng ngân sách nhà nước hiện đang triển khai.

- Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp trong nước, quốc tế và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

V. GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

1. Giao Sở Công Thương là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

2. Công tác giám sát, đánh giá được thực hiện định kỳ và đột xuất theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 1620/QĐ-BCT ngày 02/7/2026 của Bộ Công Thương ban hành Quy chế quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình Vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026 - 2030; đồng thời áp dụng Biểu đánh

giá kết quả thực hiện (tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo) làm căn cứ lượng hóa mức độ hoàn thành các chỉ tiêu của Chương trình.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Là cơ quan đầu mối của tỉnh tổ chức thực hiện Chương trình; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp. Chủ trì xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp tiêu biểu tham gia Chương trình; xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu doanh nghiệp và kết nối, chia sẻ dữ liệu với nền tảng GoGlobal Platform trước Quý II/2027; theo dõi kết quả hỗ trợ theo từng doanh nghiệp và tổng hợp, cập nhật Bộ chỉ số KPI theo quy định.

- Chủ trì tham mưu triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường xuất khẩu, đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử gắn với chuyển đổi số; hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng tiêu thụ sản phẩm trên môi trường số; tăng cường kết nối với các sàn thương mại điện tử quốc tế, hệ thống phân phối và các doanh nghiệp dịch vụ logistics.

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình và kết quả triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; định kỳ báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt, tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

3. Sở Ngoại vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan khai thác, phát huy hiệu quả các khuôn khổ hợp tác quốc tế, quan hệ hữu nghị cấp địa phương nhằm thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư, du lịch; hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh mở rộng kết nối và tiếp cận thị trường nước ngoài.

- Phối hợp cung cấp, cập nhật thông tin về tình hình chính trị - kinh tế quốc tế, chính sách thương mại, đầu tư, biên mậu và các quy định pháp luật của nước sở tại; hỗ trợ kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã của tỉnh với hệ thống cơ quan đại diện và Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế và đối tác nước ngoài.

- Phối hợp huy động, phát huy vai trò của cộng đồng doanh nhân, người Việt Nam ở nước ngoài trong việc quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của tỉnh; hỗ trợ phát triển mạng lưới phân phối và xúc tiến thương mại, đầu tư quốc tế.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Triển khai các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp,

hợp tác xã phát triển vùng nguyên liệu tập trung, gắn với đẩy mạnh trao đổi kinh nghiệm ứng dụng công nghệ sản xuất và chế biến nông, lâm sản tiên tiến từ các quốc gia phát triển.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp đáp ứng đầy đủ các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội (như: giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ đa dạng sinh học, quản lý và cấp chứng chỉ rừng bền vững...) theo đúng yêu cầu khắt khe của các thị trường xuất khẩu mục tiêu.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh nghiên cứu, thiết kế, thử nghiệm, chuẩn hóa và hoàn thiện sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu của thị trường quốc tế.

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, các chương trình hỗ trợ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp khai thác hiệu quả các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, di sản và tiềm năng du lịch của tỉnh nhằm tạo lợi thế cạnh tranh khác biệt khi mở rộng đầu tư, kinh doanh tại thị trường quốc tế.

- Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển các sản phẩm du lịch qua biên giới, xây dựng thương hiệu sản phẩm quà tặng, thủ công truyền thống gắn với công tác xúc tiến, quảng bá hình ảnh Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng ra thế giới.

7. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Phối hợp với Sở Công Thương trong việc xây dựng và tổ chức triển khai các hoạt động, đào tạo, tập huấn ứng dụng thương mại điện tử, mở rộng tiêu thụ sản phẩm trên môi trường số; tăng cường kết nối với các sàn thương mại điện tử nhằm nâng cao năng lực của doanh nghiệp.

8. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

- Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị tuyên truyền, hướng dẫn hội viên vận dụng hiệu quả và sáng tạo các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Chương trình; định kỳ khảo sát nhu cầu của cộng đồng doanh nghiệp hằng năm để đề xuất các sáng kiến, giải pháp thiết thực với các cơ quan quản lý nhà nước.

- Phát huy vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp với chính quyền địa phương; vận động hội viên tích cực tham gia các đề án, hoạt động xúc tiến thương mại của tỉnh; chủ động nâng cao năng lực quản trị, đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu và chuẩn hóa chất lượng sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

- Thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, khó khăn và vướng mắc của các doanh nghiệp hội viên trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập

khẩu và đầu tư ra nước ngoài; kịp thời tổng hợp, kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ.

9. Ngân hàng Nhà nước Khu vực 5

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng; hướng dẫn doanh nghiệp về thanh toán quốc tế, quản lý ngoại hối theo quy định.

10. Các Sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế, chủ động lồng ghép, bố trí nguồn lực và phối hợp lập dự toán kinh phí để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình. Tăng cường công tác phối hợp liên ngành, trao đổi thông tin trong quản lý nhà nước và đồng hành hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng hoạt động đầu tư, kinh doanh quốc tế. Thường xuyên rà soát, kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan nhằm tạo môi trường thuận lợi nhất cho doanh nghiệp của tỉnh vươn ra thị trường quốc tế.

11. UBND các xã, phường

- Căn cứ tình hình thực tế, chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và chương trình công tác hằng năm của địa phương để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Chương trình đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

- Rà soát, thống kê và cung cấp thông tin về các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP và các chủ thể kinh tế có tiềm năng xuất khẩu; lựa chọn, giới thiệu các cơ sở tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, hội nghị kết nối giao thương và hoạt động xúc tiến thương mại do cấp tỉnh tổ chức.

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt và tổng hợp các khó khăn, vướng mắc của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn gửi Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo tháo gỡ.

12. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Chủ động tham gia thực hiện các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh ở nước ngoài phù hợp với nhu cầu và năng lực của doanh nghiệp; bảo đảm tuân thủ các quy định của Nhà nước về hỗ trợ khi tham gia Chương trình.

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Định kỳ **trước ngày 10/12 hàng năm** hoặc đột xuất các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công Thương theo quy định. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết./

PHỤ LỤC 1

Định hướng ngành, lĩnh vực, thị trường và doanh nghiệp ưu tiên tham gia Chương trình

(Ban hành theo Chương trình kèm theo Quyết định số: 1751/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 9 năm 2026 của UBND tỉnh Cao Bằng)

STT	Đối tượng	Nội dung, phạm vi ưu tiên
I	Ngành, lĩnh vực	
1	Nông nghiệp	Ưu tiên các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản đặc trưng, làng nghề truyền thống; các sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể; sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu và có tiềm năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.
2	Công nghiệp	Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp hỗ trợ; năng lượng tái tạo và vật liệu mới; phát triển dịch vụ logistics và các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; ưu tiên các sản phẩm khoáng sản chế biến sâu, có giá trị gia tăng cao, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường và phù hợp với quy hoạch, quy định của pháp luật.
3	Dịch vụ	- Ưu tiên phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới và dịch vụ logistics; các loại hình du lịch thể mạnh của tỉnh gồm du lịch biên giới, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa - lịch sử và du lịch công viên địa chất toàn cầu; - Các dịch vụ tư vấn pháp lý, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra phát triển thị trường quốc tế.
II	Thị trường, đối tác	- Ưu tiên tập trung vào các thị trường truyền thống (Trung Quốc, ASEAN) và các thị trường tiềm năng có nhu cầu đối với các sản phẩm thể mạnh của tỉnh - Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp khai thác tối đa năng lực và lợi thế của các Cửa khẩu quốc tế: Trà Lĩnh – Long Bang, Tà Lùng – Thủy Khẩu và hệ thống cửa khẩu chính nhằm thúc đẩy xuất nhập khẩu, thương mại biên giới và chuỗi cung ứng logistics - Ưu tiên kết nối với các nhà nhập khẩu, hệ thống phân phối, tập đoàn đa quốc gia, sàn thương mại điện tử quốc tế, các cơ quan xúc tiến thương mại và đối tác nước ngoài có uy tín, năng lực hợp tác bền vững.
III	Đối tượng ưu tiên tham gia Chương trình	- Doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hợp tác xã, cơ sở sản xuất có sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu hoặc sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia; - Các đơn vị có sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tiêu chuẩn quốc

STT	Đối tượng	Nội dung, phạm vi ưu tiên
		tế; có năng lực quản trị, ứng dụng công nghệ số, đổi mới sáng tạo; có hoạt động xuất khẩu ổn định hoặc tiềm năng tham gia sâu vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; - Tập trung hỗ trợ nâng cao giá trị gia tăng, phát triển thương hiệu quốc tế, mở rộng kênh phân phối, thiết lập văn phòng đại diện, hệ thống kho bãi và các phương thức hiện diện thương mại ở nước ngoài phù hợp với điều kiện thực tế.

PHỤ LỤC 2
Các nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030

(Ban hành theo Chương trình kèm theo Quyết định số: 1751/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2026 của UBND tỉnh Cao Bằng)

STT	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
1	Tổ chức hoặc hỗ trợ tham gia tối thiểu 05 hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, hội chợ, triển lãm và khảo sát thị trường quốc tế ở trong và ngoài nước.	Sở Công Thương	Các sở: Ngoại vụ, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, KH&CN, Nông nghiệp và Môi trường; LMHTX tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và UBND các xã, phường.	Giai đoạn 2026 - 2030	Tối thiểu 05 hoạt động XTTM quốc tế được tổ chức/tham gia thành công.
2	Hỗ trợ tối thiểu 20 doanh nghiệp được tư vấn, kết nối với các tổ chức xúc tiến thương mại, cơ quan đại diện và Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài, cộng đồng doanh nhân kiều bào và hệ thống phân phối quốc tế.	Sở Công Thương	Các sở: Ngoại vụ, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, KH&CN, Nông nghiệp và Môi trường; LMHTX tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và UBND các xã, phường.	Giai đoạn 2026 - 2030	Tối thiểu 20 doanh nghiệp được tư vấn, thiết lập kết nối đối tác.
3	Hỗ trợ tối thiểu 200 lượt doanh nghiệp được đào tạo, tập huấn về hội nhập kinh tế quốc tế, các FTA, thương mại điện tử xuyên biên giới, thương hiệu quốc tế; hỗ trợ tối thiểu 10 doanh nghiệp xây dựng hoặc hoàn thiện phương án phát triển thị trường quốc tế.	Sở Công Thương	Các sở: Sở KH&CN, Ngoại vụ, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Môi trường; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, LMHTX tỉnh và UBND các xã, phường.	Giai đoạn 2026 - 2030	200 lượt doanh nghiệp hoàn thành đào tạo, tập huấn; 10 doanh nghiệp được hỗ trợ xây dựng hoặc hoàn thiện phương án
4	Hỗ trợ tối thiểu 05 doanh nghiệp có sản phẩm, năng lực và tiềm năng xuất khẩu ứng dụng các giải pháp chuyên đổi số trong xúc tiến thương mại (thương mại	Sở Công Thương	Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, KH&CN, Ngoại vụ, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, LMHTX tỉnh và	Giai đoạn 2026 - 2030	Tối thiểu 05 doanh nghiệp áp dụng giải pháp số và có giao dịch xuất khẩu/bán hàng trực tuyến.

STT	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	điện tử xuyên biên giới, số hóa sản phẩm, tiếp thị số, truy xuất nguồn gốc) và phát sinh giao dịch xuất khẩu qua nền tảng số		UBND các xã, phường.		
5	Lựa chọn và hỗ trợ tối thiểu 01 doanh nghiệp nghiên cứu, xây dựng phương án đầu tư ra nước ngoài, M&A quốc tế hoặc đầu tư kho bãi, phát triển trung tâm/kênh phân phối (ưu tiên thị trường tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc).	Sở Công Thương	Các sở: KH&CN, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngoại vụ, Nông nghiệp và Môi trường; LMHTX tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và UBND các xã, phường.	Giai đoạn 2026 - 2030	Tối thiểu 01 doanh nghiệp được hỗ trợ
6	Tổ chức đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2028; kịp thời tham mưu điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp cho giai đoạn 2029 - 2030.	Sở Công Thương	Các sở: Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngoại vụ, Nông nghiệp và Môi trường; LMHTX tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và UBND các xã, phường	Năm 2028	Báo cáo đánh giá giữa kỳ giai đoạn 2026 - 2028
7	Tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030; xây dựng định hướng, mục tiêu và nhiệm vụ cho giai đoạn tiếp theo	Sở Công Thương	Các sở: Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngoại vụ, Nông nghiệp và Môi trường; LMHTX tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và UBND các xã, phường	Năm 2030	Báo cáo tổng kết giai đoạn 2026 - 2030

PHỤ LỤC 3
Biểu đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn (2026-2030)

(Ban hành theo Chương trình kèm theo Quyết định số: 1751/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2026 của UBND tỉnh Cao Bằng)

STT	Mục tiêu	Trọng số	Chỉ tiêu đánh giá	Tiêu chí tính điểm	Đơn vị tính
1	Xúc tiến thương mại quốc tế & thị trường nước ngoài	15%	Tổ chức/hỗ trợ tham gia 05 hoạt động XTTM quốc tế tại các hội chợ, hội nghị kết nối, triển lãm, khảo sát thị trường tại nước ngoài.	- Đạt 05 hoạt động: 15 điểm - Đạt 03 hoạt động: 10 điểm - Đạt 01 hoạt động: 5 điểm - Không thực hiện: 0 điểm	Hoạt động
2	Tư vấn, kết nối vươn ra thị trường quốc tế	15%	20 doanh nghiệp được tư vấn kết nối tại các Hội nghị	- Kết nối 20 doanh nghiệp: 15 điểm - Kết nối 15–19 doanh nghiệp: 10 điểm - Kết nối 10–14 doanh nghiệp: 5 điểm - Kết nối < 10 doanh nghiệp: 0 điểm	Doanh nghiệp
3	Đào tạo, tập huấn & Hỗ trợ phát triển thị trường	20%	- 200 lượt doanh nghiệp đào tạo/tập huấn; - 10 doanh nghiệp được hỗ trợ xây dựng/hoàn thiện phương án thị trường.	*Đào tạo (10đ): - Đủ 200 lượt doanh nghiệp: 10 điểm - Từ 150–199 lượt: 7 điểm - Dưới 150 lượt: 3 điểm * Hỗ trợ phương án (10đ): - Đủ 10 doanh nghiệp: 10 điểm - Từ 7–9 doanh nghiệp: 6 điểm - Dưới 7 doanh nghiệp: 2 điểm	Lượt doanh nghiệp
4	Ứng dụng giải pháp Chuyển đổi số trong XTTM	20%	- Hỗ trợ 05 doanh nghiệp áp dụng giải pháp số; - 05 doanh nghiệp áp dụng giải pháp số và có phát sinh giao dịch bán hàng/xuất khẩu qua nền tảng TMĐT xuyên biên giới sau hỗ trợ.	- Đủ 05 doanh nghiệp có giải pháp: 20 điểm - Từ 3–04 doanh nghiệp đạt yêu cầu: 12 điểm - Từ 01–02 doanh nghiệp đạt yêu cầu: 6 điểm - Không có doanh nghiệp phát sinh giao dịch: 0 điểm	Doanh nghiệp
5	Xây dựng thương	10%	Hỗ trợ 01 doanh nghiệp nghiên cứu, chuẩn	- Hoàn thành hỗ trợ chuyên sâu 01 doanh	Doanh

STT	Mục tiêu	Trọng số	Chỉ tiêu đánh giá	Tiêu chí tính điểm	Đơn vị tính
	hiệu quốc tế để đầu tư ra nước ngoài, M&A hoặc phát triển kênh phân phối quốc tế		bị các điều kiện, xây dựng phương án đầu tư ra nước ngoài/M&A/phát triển kênh phân phối quốc tế (ưu tiên thị trường tỉnh Quảng Tây - Trung Quốc)	nghiệp: 10 điểm - Đang chuẩn bị các điều kiện triển khai nhưng chưa hoàn tất: 5 điểm - Không thực hiện: 0 điểm	ngiệp
6	Đánh giá giữa kỳ giai đoạn 2026–2028	10%	Báo cáo đánh giá giữa kỳ toàn diện giai đoạn 2026-2028 (Hoàn thành trong năm 2028).	- Đúng hạn (2028): 10 điểm - Trễ hạn 5 điểm - Không thực hiện: 0 điểm	Báo cáo
7	Tổng kết giai đoạn 2026–2030	10%	Báo cáo tổng kết kết quả giai đoạn 2026-2030 & đề xuất phương hướng (Hoàn thành trong năm 2030).	- Đúng hạn (2030) 10 điểm - Trễ hạn 5 điểm - Không thực hiện: 0 điểm	Báo cáo
	TỔNG	100%		100 điểm	